

Số: 218/2022/NQ-HĐND

Hòa Bình, ngày 09 tháng 12 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Quy định nội dung, mức chi để tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Hòa Bình

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH
KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ 12**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông;

Xét Tờ trình số 164/TTr-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình về việc ban hành Nghị quyết quy định nội dung, mức chi để chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Hòa Bình; Báo cáo thẩm tra của Ban văn hóa - xã hội của Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về mức chi tiền công các chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ tổ chức kỳ thi tốt nghiệp Trung học phổ thông, kỳ thi tuyển sinh đầu cấp phổ thông, kỳ thi học sinh giỏi các cấp và quy định nội dung, mức chi để chi tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi khác trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo cấp tỉnh, cấp huyện, các cơ quan, đơn vị, trường học, cá nhân có liên quan trên địa bàn tỉnh Hòa Bình được cơ quan có thẩm quyền giao nhiệm vụ chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

Điều 2. Quy định cụ thể nội dung, mức chi cho công tác chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi

1. Chi tiền công cho từng chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ đối với các kỳ thi: Thi tuyển sinh đầu cấp; kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông; kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp huyện/tỉnh các môn văn hóa, chọn học sinh giỏi cấp quốc gia. (Có Phụ lục 01 kèm theo)

2. Chi tiền công cho từng chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ đối với các kỳ thi, cuộc thi, hội thi cấp tỉnh: Thi cấp chứng chỉ tin học, ngoại ngữ, tiếng dân tộc; các kỳ thi nghiên cứu khoa học, kỹ thuật cấp tỉnh; thi giáo viên giỏi các cấp học; thi chọn học sinh vào các đội tuyển của tỉnh dự thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia và cấp khu vực; các kỳ thi, cuộc thi, hội thi cấp tỉnh khác. (Có Phụ lục 02 kèm theo)

3. Chi tiền công cho từng chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ đối với các kỳ thi, cuộc thi, hội thi cấp huyện/thành phố, cấp trường: các kỳ thi nghiên cứu khoa học, kỹ thuật; thi giáo viên giỏi các cấp học; thi chọn học sinh; các kỳ thi, cuộc thi, hội thi cấp huyện/thành phố, cấp trường khác. (Có Phụ lục 03 kèm theo)

Điều 3. Kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước được giao trong dự toán hàng năm cho ngành giáo dục và đào tạo theo phân cấp quản lý và nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 4. Hội đồng nhân dân tỉnh giao

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức hướng dẫn, thực hiện nghị quyết này theo quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hòa Bình Khóa XVII, Kỳ họp thứ 12 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2022 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 12 năm 2022. / .*Be*

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: GD-ĐT; Tài chính;
- Vụ pháp chế Bộ GD-ĐT;
- Cục Kiểm tra VBQPPL, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQ VN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Trung tâm tin học và Công báo VP UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh Hòa Bình;
- LĐVP Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, CVVP, CTHĐND (T).

CHỦ TỊCH



Bùi Đức Hình

PHỤ LỤC 01

Mức chi tiền công cho từng chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ đối với các kỳ thi: Thi tuyển sinh đầu cấp; kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông; kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp huyện/tỉnh các môn văn hóa, chọn học sinh giỏi cấp quốc gia

(Kèm theo Nghị quyết số 218/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hòa Bình)

ĐVT: 1.000 đồng

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	Ghi chú
1	Chi tiền công cho các chức danh			
1.1	<i>Thành viên Hội đồng/Ban ra đề thi</i>			
a	Chủ tịch Hội đồng/Trưởng Ban	Người/ngày	600	
b	Phó Chủ tịch/Phó Trưởng Ban	Người/ngày	525	
c	Ủy viên, thư ký làm việc cách ly (vòng trong)	Người/ngày	450	
d	Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ vòng trong	Người/ngày	250	
e	Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ vòng ngoài	Người/ngày	200	
1.2	<i>Thành viên Hội đồng/Ban in sao đề thi</i>			
a	Chủ tịch Hội đồng/Trưởng Ban	Người/ngày	400	
b	Phó Chủ tịch Hội đồng/Phó Trưởng Ban	Người/ngày	340	
c	Ủy viên, thư ký làm việc cách ly (vòng trong)	Người/ngày	280	
d	Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ vòng trong	Người/ngày	250	
e	Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ vòng ngoài	Người/ngày	200	
1.3	<i>Thành viên Ban/Tổ vận chuyển và bàn giao đề thi</i>			
a	Trưởng Ban/Tổ trưởng	Người/ngày	400	
b	Ủy viên.	Người/ngày	300	
1.4	<i>Thành viên tổ công tác chuẩn bị địa điểm cơ sở vật chất, kiểm tra an ninh, an toàn phục vụ Hội đồng/Ban ra đề thi; Hội đồng/Ban in sao đề thi; Ban/Tổ làm phách; Hội đồng/Ban chấm thi; Hội đồng/Ban phúc khảo.</i>			
a	Tổ trưởng	Người/ngày	300	
b	Phó Tổ trưởng	Người/ngày	250	
c	Ủy viên	Người/ngày	200	
1.5	<i>Ban Chỉ đạo thi</i>			
a	Trưởng Ban	Người/ngày	460	
b	Phó Trưởng Ban Thường trực	Người/ngày	400	
c	Phó Trưởng Ban	Người/ngày	350	
d	Ủy viên, thư ký	Người/ngày	300	
e	Nhân viên phục vụ	Người/ngày	200	
1.6	<i>Hội đồng thi (áp dụng cho Kỳ thi tốt nghiệp THPT)</i>			
a	Chủ tịch Hội đồng	Người/ngày	300	

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	Ghi chú
b	Phó chủ tịch Hội đồng	Người/ngày	250	
c	Ủy viên	Người/ngày	200	
1.7	Ban Thư ký Hội đồng thi (áp dụng cho Kỳ thi tốt nghiệp THPT)			
a	Trưởng Ban	Người/ngày	300	
b	Phó Trưởng Ban	Người/ngày	250	
c	Ủy viên	Người/ngày	200	
1.8	Hội đồng/Ban Coi thi			
a	Chủ tịch Hội đồng/Trưởng Ban	Người/ngày	350	
b	Phó chủ tịch Hội đồng/Phó Trưởng Ban	Người/ngày	300	
c	Trưởng điểm thi (áp dụng cho kỳ thi tốt nghiệp THPT)	Người/ngày	350	
d	Phó Trưởng điểm thi (áp dụng cho kỳ thi tốt nghiệp THPT)	Người/ngày	300	
e	Ủy viên, thư ký, giám thị/cán bộ coi thi/cán bộ giám sát phòng thi, kỹ thuật viên.	Người/ngày	280	
f	Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ	Người/ngày	200	
1.9	Ban/Tổ làm phách			
a	Trưởng Ban/Tổ trưởng	Người/ngày	400	
b	Phó Trưởng Ban/Phó Tổ trưởng	Người/ngày	350	
c	Ủy viên, thư ký làm việc cách ly (vòng trong)	Người/ngày	300	
d	Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ vòng trong	Người/ngày	250	
e	Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ vòng ngoài	Người/ngày	200	
1.10	Thành viên các Hội đồng/Ban chấm thi, phúc khảo, thẩm định: Bài thi tự luận, bài thi nói, bài thi thực hành, bài thi trắc nghiệm, bài thi tin học, bài thi thuyết trình			
a	Chủ tịch Hội đồng/Trưởng Ban	Người/ngày	400	
b	Phó chủ tịch Hội đồng/Phó Trưởng Ban	Người/ngày	360	
c	Ủy viên (Giám khảo/Cán bộ chấm thi, cán bộ chấm phúc khảo, cán bộ chấm thẩm định, cán bộ chấm thi trắc nghiệm, thư ký, kỹ thuật viên)	Người/ngày	275	
d	Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ	Người/ngày	200	
2	Tiền công ra đề thi			
2.1	Tiền công xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi			
a	Chủ trì	Người/ngày	400	
b	Thành viên	Người/ngày	300	
2.2	Tiền công ra đề đề xuất đối với đề tự luận			
a	Thi tuyển sinh vào các lớp đầu cấp phổ thông	Đề	360	

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	Ghi chú
b	Thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh, thi chọn học viên GDTX giỏi cấp tỉnh THPT	Đề theo phân môn	600	
c	Thi lập đội tuyển dự thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia và cấp khu vực	Đề theo phân môn	900	
3	Tiền công xây dựng ngân hàng câu hỏi thi			
3.1	Tiền công xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi:			
a	Chủ trì	Người/ngày	400	
b	Thành viên	Người/ngày	300	
3.2	Tiền công đối với việc xây dựng câu hỏi			
a	Tiền công soạn thảo câu hỏi thô	Đồng/câu	35	
b	Tiền công rà soát, chọn lọc, thẩm định và biên tập câu hỏi	Đồng/câu	30	
c	Tiền công chỉnh sửa câu hỏi sau thử nghiệm	Đồng/câu	25	
d	Tiền công chỉnh sửa lại các câu hỏi sau khi thử nghiệm đề thi	Đồng/câu	20	
e	Tiền công rà soát, lựa chọn và nhập các câu hỏi vào ngân hàng câu hỏi thi theo hướng chuẩn hóa	Đồng/câu	5	
3.3	Tiền công thuê chuyên gia định cỡ câu trắc nghiệm:			
a	Chủ trì	Người/ngày	350	
b	Thành viên	Người/ngày	300	
4	Tiền công tập huấn các đội tuyển dự thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh			
a	Tiền công cho cán bộ phụ trách lớp tập huấn	Người/ngày	40	
b	Tiền công biên soạn và giảng dạy lý thuyết	Giờ	200	
c	Tiền công biên soạn và giảng dạy thực hành	Giờ	250	
d	Tiền công trợ lý thí nghiệm, thực hành	Giờ	100	
5	Tiền công chi cho công tác thanh tra, kiểm tra trước, trong và sau khi thi			
a	Trưởng đoàn thanh tra, kiểm tra	Người/ngày	400	
b	Phó Trưởng đoàn thanh tra, kiểm tra; Thanh tra viên độc lập	Người/ngày	350	
c	Thư ký, đoàn viên đoàn thanh tra, kiểm tra	Người/ngày	300	

PHỤ LỤC 02

Mức chi tiền công cho từng chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ đối với các kỳ thi, cuộc thi, hội thi cấp tỉnh: Thi cấp chứng chỉ tin học, ngoại ngữ, tiếng dân tộc; các kỳ thi nghiên cứu khoa học, kỹ thuật cấp tỉnh; thi giáo viên giỏi các cấp học; thi chọn học sinh vào các đội tuyển của tỉnh dự thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia và cấp khu vực; các kỳ thi, cuộc thi, hội thi cấp tỉnh khác

(Kèm theo Nghị quyết số 218/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hòa Bình)

DVT: 1000 đồng

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	Ghi chú
1	Chi tiền công cho các chức danh			
1.1	Thành viên Hội đồng/Ban ra đề thi			
a	Chủ tịch Hội đồng/Trưởng Ban	Người/ngày	480	
b	Phó Chủ tịch/Phó Trưởng Ban	Người/ngày	420	
c	Ủy viên, thư ký làm việc cách ly (vòng trong)	Người/ngày	360	
d	Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ vòng trong	Người/ngày	200	
e	Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ vòng ngoài	Người/ngày	160	
1.2	Thành viên Hội đồng/Ban in sao đề thi			
a	Chủ tịch Hội đồng/Trưởng Ban	Người/ngày	320	
b	Phó Chủ tịch Hội đồng/Phó Trưởng Ban	Người/ngày	270	
c	Ủy viên, thư ký làm việc cách ly (vòng trong)	Người/ngày	225	
d	Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ vòng trong	Người/ngày	200	
e	Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ vòng ngoài	Người/ngày	160	
1.3	Thành viên Ban/Tổ vận chuyển và bàn giao đề thi			
a	Trưởng Ban/Tổ trưởng	Người/ngày	320	
b	Ủy viên.	Người/ngày	240	
1.4	Thành viên tổ công tác chuẩn bị địa điểm cơ sở vật chất, kiểm tra an ninh, an toàn phục vụ Hội đồng/Ban ra đề thi; Hội đồng/Ban in sao đề thi; Ban/Tổ làm phách; Hội đồng/Ban chấm thi; Hội đồng/Ban phúc khảo.			
a	Tổ trưởng	Người/ngày	240	
b	Phó Tổ trưởng	Người/ngày	200	
c	Ủy viên	Người/ngày	160	
1.5	Ban Chỉ đạo thi/Ban tổ chức			
a	Trưởng Ban	Người/ngày	370	
b	Phó Trưởng Ban	Người/ngày	320	
c	Ủy viên, thư ký	Người/ngày	240	
d	Nhân viên phục vụ	Người/ngày	160	
1.6	Hội đồng/Ban Coi thi			

a	Chủ tịch Hội đồng/Trưởng Ban	Người/ngày	280	
b	Phó chủ tịch Hội đồng/Phó Trưởng Ban	Người/ngày	240	
c	Ủy viên, thư ký, giám thị/cán bộ coi thi/cán bộ giám sát phòng thi, kỹ thuật viên	Người/ngày	225	
d	Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ	Người/ngày	160	
1.7	Ban/Tổ làm phách			
a	Trưởng Ban/Tổ trưởng	Người/ngày	320	
b	Phó Trưởng Ban/Phó Tổ trưởng	Người/ngày	280	
c	Ủy viên, thư ký làm việc cách ly (vòng trong)	Người/ngày	240	
d	Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ vòng trong	Người/ngày	200	
e	Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ vòng ngoài.	Người/ngày	160	
1.8	Thành viên các Hội đồng/Ban chấm thi, phúc khảo, thẩm định: Bài thi tự luận, bài thi nói, bài thi thực hành, bài thi trắc nghiệm, bài thi tin học, bài thi thuyết trình.			
a	Chủ tịch Hội đồng/Trưởng Ban	Người/ngày	320	
b	Phó chủ tịch Hội đồng/Phó Trưởng Ban	Người/ngày	290	
c	Giám khảo/Cán bộ chấm thi, cán bộ chấm phúc khảo, cán bộ chấm thẩm định	Người/ngày	220	
d	Ủy viên/cán bộ chấm thi trắc nghiệm, thư ký, kỹ thuật viên	Người/ngày	220	
e	Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ	Người/ngày	160	
2	Tiền công ra đề thi			
2.1	Tiền công xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi:			
a	Chủ trì	Người/ngày	320	
b	Thành viên	Người/ngày	240	
2.2	Tiền công ra đề đề xuất đối với đề tự luận			
a	Các kỳ thi, cuộc thi, hội thi cấp tỉnh khác	Đề	290	
b	Thi cấp chứng chỉ tin học, ngoại ngữ, tiếng dân tộc, giáo viên giỏi các cấp học.	Đề theo phân môn	480	
c	Thi lập đội tuyển dự thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia và cấp khu vực	Đề theo phân môn	720	
3	Tiền công xây dựng ngân hàng câu hỏi thi			
3.1	Tiền công xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi:			
a	Chủ trì	Người/ngày	320	
b	Thành viên	Người/ngày	240	
3.2	Tiền công đối với việc xây dựng câu hỏi			
a	Tiền công soạn thảo câu hỏi thô	Câu	30	
b	Tiền công rà soát, chọn lọc, thẩm định và biên tập câu hỏi	Câu	25	
c	Tiền công chỉnh sửa câu hỏi sau thử nghiệm	Câu	20	

d	Tiền công chỉnh sửa lại các câu hỏi sau khi thử nghiệm đề thi	Câu	15	
e	Tiền công rà soát, lựa chọn và nhập các câu hỏi vào ngân hàng câu hỏi thi theo hướng chuẩn hóa	Câu	5	
3.3	<i>Tiền công thuê chuyên gia định cỡ câu trắc nghiệm:</i>			
a	Chủ trì	Người/ngày	280	
b	Thành viên	Người/ngày	240	
4	Tiền công chi cho công tác thanh tra, kiểm tra trước, trong và sau khi thi			
a	Trưởng đoàn thanh tra, kiểm tra	Người/ngày	320	
b	Phó Trưởng đoàn thanh tra, kiểm tra; Thanh tra viên độc lập	Người/ngày	280	
c	Thư ký, đoàn viên đoàn thanh tra, kiểm tra	Người/ngày	240	

PHỤ LỤC 03

Mức chi tiền công cho từng chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ đối với các kỳ thi, cuộc thi, hội thi cấp huyện, cấp trường: các kỳ thi nghiên cứu khoa học, kỹ thuật; thi giáo viên giỏi các cấp học; thi chọn học sinh; các kỳ thi, cuộc thi, hội thi cấp huyện, cấp trường khác

(Kèm theo Nghị quyết số 218/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hòa Bình)

ĐVT: 1.000 đồng

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	Ghi chú
1	Chi tiền công cho các chức danh			
1.1	<i>Thành viên Hội đồng/Ban ra đề thi</i>			
a	Chủ tịch Hội đồng/Trưởng Ban	Người/ngày	420	
b	Phó Chủ tịch/Phó Trưởng Ban	Người/ngày	370	
c	Ủy viên, thư ký làm việc cách ly (vòng trong)	Người/ngày	315	
d	Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ vòng trong	Người/ngày	175	
e	Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ vòng ngoài	Người/ngày	140	
1.2	<i>Thành viên Hội đồng/Ban in sao đề thi</i>			
a	Chủ tịch Hội đồng/Trưởng Ban	Người/ngày	280	
b	Phó Chủ tịch Hội đồng/Phó Trưởng Ban	Người/ngày	240	
c	Ủy viên, thư ký làm việc cách ly (vòng trong)	Người/ngày	195	
d	Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ vòng trong	Người/ngày	175	
e	Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ vòng ngoài	Người/ngày	140	
1.3	<i>Thành viên Ban/Tổ vận chuyển và bàn giao đề thi</i>			
a	Trưởng Ban/Tổ trưởng	Người/ngày	280	
b	Ủy viên.	Người/ngày	210	
1.4	<i>Thành viên tổ công tác chuẩn bị địa điểm cơ sở vật chất, kiểm tra an ninh, an toàn phục vụ Hội đồng/Ban ra đề thi; Hội đồng/Ban in sao đề thi; Ban/Tổ làm phách; Hội đồng/Ban chấm thi; Hội đồng/Ban phúc khảo.</i>			
a	Tổ trưởng	Người/ngày	210	
b	Phó Tổ trưởng	Người/ngày	175	
c	Ủy viên	Người/ngày	140	
1.5	<i>Ban Chỉ đạo thi/Ban tổ chức</i>			
a	Trưởng Ban	Người/ngày	320	
b	Phó Trưởng Ban	Người/ngày	280	
c	Ủy viên, thư ký	Người/ngày	210	
d	Nhân viên phục vụ	Người/ngày	140	
1.6	<i>Hội đồng/Ban Coi thi</i>			
a	Chủ tịch Hội đồng/Trưởng Ban	Người/ngày	245	

b	Phó chủ tịch Hội đồng/Phó Trưởng Ban	Người/ngày	210	
c	Ủy viên, thư ký, giám thị/cán bộ coi thi/cán bộ giám sát phòng thi, kỹ thuật viên	Người/ngày	195	
d	Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ	Người/ngày	140	
1.7	Ban/Tổ làm phách			
a	Trưởng Ban/Tổ trưởng	Người/ngày	280	
b	Phó Trưởng Ban/Phó Tổ trưởng	Người/ngày	245	
c	Ủy viên, thư ký làm việc cách ly (vòng trong)	Người/ngày	210	
d	Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ vòng trong	Người/ngày	175	
e	Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ vòng ngoài	Người/ngày	140	
1.8	Thành viên các Hội đồng/Ban chấm thi, phúc khảo, thẩm định: Bài thi tự luận, bài thi nói, bài thi thực hành, bài thi trắc nghiệm, bài thi tin học, bài thi thuyết trình.			
a	Chủ tịch Hội đồng/Trưởng Ban	Người/ngày	280	
b	Phó chủ tịch Hội đồng/Phó Trưởng Ban	Người/ngày	250	
c	Giám khảo/Cán bộ chấm thi, cán bộ chấm phúc khảo, cán bộ chấm thẩm định	Người/ngày	195	
d	Ủy viên/cán bộ chấm thi trắc nghiệm, thư ký, kỹ thuật viên	Người/ngày	195	
e	Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ	Người/ngày	140	
2	Tiền công ra đề thi			
2.1	Tiền công xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi:			
a	Chủ trì	Người/ngày	280	
b	Thành viên	Người/ngày	210	
2.2	Tiền công ra đề đề xuất đối với đề tự luận			
a	Các kỳ thi, cuộc thi, hội thi khác	Đề	250	
b	Giáo viên giỏi các cấp học, Thi chọn học sinh giỏi cấp huyện	Đề theo phân môn	420	
3	Tiền công xây dựng ngân hàng câu hỏi thi			
3.1	Tiền công xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi:			
a	Chủ trì	Người/ngày	280	
b	Thành viên	Người/ngày	210	
3.2	Tiền công đối với việc xây dựng câu hỏi			
a	Tiền công soạn thảo câu hỏi thô	Câu	25	
b	Tiền công rà soát, chọn lọc, thẩm định và biên tập câu hỏi	Câu	20	
c	Tiền công chỉnh sửa câu hỏi sau thử nghiệm	Câu	20	
d	Tiền công chỉnh sửa lại các câu hỏi sau khi thử nghiệm đề thi	Câu	15	
e	Tiền công rà soát, lựa chọn và nhập các câu hỏi vào ngân hàng câu hỏi thi theo hướng chuẩn hóa	Câu	5	

3.3	Tiền công thuê chuyên gia định cỡ câu trắc nghiệm:			
a	Chủ trì	Người/ngày	245	
b	Thành viên	Người/ngày	210	
4	Tiền công tập huấn các đội tuyển dự thi chọn học sinh giỏi cấp huyện			
a	Tiền công cho cán bộ phụ trách lớp tập huấn	Người/ngày	30	
b	Tiền công biên soạn và giảng dạy lý thuyết	Giờ (60 phút)	140	
c	Tiền công biên soạn và giảng dạy thực hành	Giờ (60 phút)	175	
d	Tiền công trợ lý thí nghiệm, thực hành	Giờ (60 phút)	70	
5	Tiền công chi cho công tác kiểm tra trước, trong và sau khi thi			
a	Tổ trưởng tổ kiểm tra	Người/ngày	280	
b	Thư ký, thành viên tổ kiểm tra	Người/ngày	210	